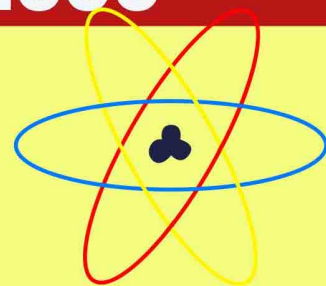
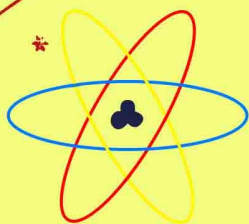


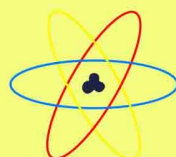
BỘ NỘI VỤ
VIỆN KHOA HỌC TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC
THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU
KHOA HỌC TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC



1. Một số kinh nghiệm về phân thi trắc nghiệm chung trong tuyển dụng công chức Nhật Bản và ý nghĩa đối với kiểm định chất lượng đầu vào công chức ở Việt Nam



2. Khái quát về chuyển đổi số và đề xuất một số giải pháp thực hiện tại Bộ Nội vụ



SỐ 02
THÁNG 06 /2023

SỐ 02

THÁNG 6 NĂM 2023

Chịu trách nhiệm xuất bản
Tổng Biên tập:

TS. Nguyễn Ngọc Vân - Viện trưởng
Viện Khoa học tổ chức nhà nước

Ban Biên tập:

TS. Lê Anh Tuấn
ThS. Thạch Thọ Mộc
ThS. Trần Thị Thơ

Bản tin được thực hiện bởi:

Phòng Thông tin khoa học và
Hợp tác quốc tế
Số 8 Tôn Thất Thuyết, Hà Nội

Điện thoại: (04) 62826733

Website: <http://isos.gov.vn>
<http://vienkhtcnn.vn>

Mọi thư, bài xin gửi về email:
bantincchc@moha.gov.vn

Thông tin kết quả nghiên cứu khoa học tổ chức nhà nước

TRONG SỐ NÀY

GIỚI THIỆU KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1

NGHIÊN CỨU TRAO ĐỔI

2

● **Trần Thị Thơ:** Một số kinh nghiệm về phần thi trắc nghiệm chung trong tuyển dụng công chức Nhật Bản và ý nghĩa đối với kiểm định chất lượng đầu vào công chức ở Việt Nam

2

● **Lê Thị Kim Liên:** Khái quát về chuyển đổi số và đề xuất một số giải pháp thực hiện tại Bộ Nội vụ

13

Thiết kế bìa và trình bày: Phương Lan

Giới thiệu kết quả nghiên cứu



Đề tài khoa học cấp Bộ: “Trách nhiệm giải trình của các cơ quan hành chính nhà nước trong ngành Nội vụ”

**Chủ nhiệm: TS. Hà Văn Hòa, Giảng viên, Khoa Hành chính học,
Học viện Hành chính Quốc gia**

Ngày nghiệm thu: 17/5/2023

Nghiên cứu - Trao đổi

MỘT SỐ KINH NGHIỆM VỀ PHẦN THI TRẮC NGHIỆM CHUNG TRONG TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC NHẬT BẢN VÀ Ý NGHĨA ĐỐI VỚI KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG ĐẦU VÀO CÔNG CHỨC Ở VIỆT NAM

ThS. Trần Thị Thơ
Viện Khoa học tổ chức nhà nước, Bộ Nội vụ

Cũng như mục tiêu cải cách hành chính ở Việt Nam, Nhật Bản rất chú trọng tới việc cải cách chế độ công chức, công vụ. Đối với công tác cán bộ, Nhật Bản đã tuyển chọn được rất nhiều nhân tài có năng lực ở hiện tại cũng như năng lực thích ứng trong tương lai. Bà Kikuchi Atsuko, Chủ tịch Hiệp hội phát triển nguồn nhân lực khu vực công Nhật Bản cho hay, nước này đã phải nhiều lần thay đổi chính sách thi tuyển của mình cho phù hợp với tình hình thực tế để có nguồn nhân lực cho lĩnh vực hành chính công tốt.

Kỳ thi tuyển dụng công chức quốc gia do Cơ quan Nhân sự quốc gia quy định¹, hàng năm đứng ra tổ chức kỳ thi chung, những người dự tuyển thường là sinh viên mới tốt nghiệp. Thí sinh tham dự kỳ thi tuyển công chức quốc gia tập trung phải trải qua 02 phần thi. Ở phần thi thứ nhất, thí sinh phải làm một bài thi trắc nghiệm, một bài thi luận; ở phần thi thứ hai, thí sinh phải vượt qua một cuộc phỏng vấn trực tiếp. Kỳ thi chung này được tổ chức trong một ngày tại 09

địa điểm khác nhau nhằm đảm bảo sự công bằng cho tất cả các thí sinh. Nếu thí sinh nào qua được 02 phần thi này thì Cơ quan Nhân sự quốc gia sẽ gửi danh sách đến các bộ, ngành cần tuyển dụng để các thí sinh tham gia phỏng vấn tại các Bộ. Từng bộ sẽ tiến hành phỏng vấn và có thẩm quyền quyết định việc tuyển dụng nhân sự của mình.

Việc tuyển dụng 2 cấp như vậy giúp Nhật Bản sàng lọc các ứng cử viên ngay từ đầu. Thực tế cho thấy, mặc dù số lượng ứng cử viên tham dự các kỳ thi công chức rất lớn nhưng qua sàng lọc, chỉ có một số ít người có đủ năng lực để tham gia công vụ và trong số đó cũng chỉ có rất ít người được tuyển dụng. Chẳng hạn, đối với chuyên ngành Luật, năm 2011 có 9833 ứng cử viên tham gia thi tuyển nhưng chỉ có 458 người thi đỗ kỳ thi do Cơ quan Nhân sự quốc gia tổ chức và trong số đó chỉ có 178 người được tuyển dụng; hay với các vị trí hành chính có 6738 ứng cử viên nhưng chỉ có 39 người thi đỗ và chỉ tuyển dụng có 5 người.

1. Điều 42, Luật Công vụ quốc gia Nhật Bản 1947 (Luật số 120)

Nghiên cứu - Trao đổi

1. Một số nội dung về bài thi trắc nghiệm tuyển dụng công chức ở Nhật Bản

Chuyên gia Mori Mutsuya, Trưởng đại diện Văn phòng JICA tại Việt Nam cho biết², để có được nguồn nhân lực ưu tú, việc thi tuyển tập trung là rất quan trọng và công tác đào tạo tại các trường đại học, cao đẳng giữ một vai trò chủ chốt. Vào tháng 5, thí sinh đến địa điểm thi để tham gia bài thi trắc nghiệm. Đề thi

trắc nghiệm là để tìm ra những người có năng lực, trí tuệ và khả năng thích ứng công việc ở hiện tại cũng như trong tương lai, vì thế nên đề thi chỉ liên quan đến các kiến thức thông thường, đó là những kiến thức đã được học ở trong trường phổ thông và đại học. Thời gian cho mỗi câu hỏi trắc nghiệm là từ 02 phút đến 02 phút 30 giây. Mỗi bài thi trắc nghiệm gồm 02 lĩnh vực câu hỏi: lĩnh vực kiến thức và lĩnh vực trí tuệ.

1.1 Một số câu hỏi chia theo lĩnh vực

Lĩnh vực đặt câu hỏi	Năng lực hướng đến
Lý luận	Tư duy mang tính lý luận dựa trên sự lý giải về phương pháp luận tam đoạn cơ bản
Suy luận phán đoán	Tư duy dựa trên lý giải phân tích điều kiện thiết lập được hiển thị bằng ngôn ngữ
Suy luận số	Tư duy dựa trên lý giải, phân tích tính chất và điều kiện thiết lập số
Giải thích tài liệu	Tư duy dựa trên tri giác, lý giải hình dạng mặt phẳng hoặc lập thể
Lý giải câu văn	Phân tích dựa trên lý giải số được hiển thị trong bảng hoặc hình
Lý giải câu văn	Lý giải câu văn bằng ngôn ngữ là ngôn ngữ mẹ đẻ

1.2. Ví dụ câu hỏi được cơ cấu theo từng lĩnh vực

Số lượng câu hỏi ví dụ	Lý luận	Suy luận phán đoán	Suy luận số	Hình dạng	Giải thích tài liệu	Lý giải câu văn
	A	B	C	D	E	F
12	1	3	3	2	2	1

2. Hội thảo tại Hà Nội ngày 19 và 20/3/2016 giữa Bộ Nội vụ với Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA)

Nghiên cứu - Trao đổi

A: Lý luận

[A-1]. Điều nào sau đây có thể nói là chính xác?

- o A là B.
- o C là A.
- o Những cái không phải là C thì không phải là D.
 - (1). Cái gì không phải là A thì không phải là B.
 - (2). C là tất D và D là A.
 - (3). D là A và đồng thời là B
 - (4). A là tất cả C, đồng thời là B.

Đáp án đúng là (3).

B: Suy luận phán đoán

[B-1]. Có 08 người từ A-H, chia thành 04 nhóm 02 người, 01 người trong mỗi nhóm sẽ lặn xuống biển thời gian lặn sẽ do người còn lại đo. Khi biết được điều sau đây thì có thể nói đâu là điều chính xác?

- o A có thời gian lặn dài nhất và G có thời gian lặn dài thứ 2.
- o B cặp với F.
- o C và H không lặn.
- o Thời gian lặn mà D đo là ngắn nhất.
 - (1). A cặp với C.
 - (2). Thời gian lặn của B dài thứ 3.
 - (3). D cặp với E.
 - (4). Thời gian lặn của F ngắn hơn thời gian lặn của G.

Đáp án đúng là (3).

[B-2]. Có 06 người A, B, C, D, E, F chạy đua 100m. Điều nào là chính xác nếu bạn biết những điều sau đây về kết quả? Ngoài ra, không ai về đích cùng lúc.

- o Người về đích là A, B, C.
- o Người về đích ngay sau D xếp hạng cao hơn A và xếp hạng thấp hơn B.
- o Người về đích sau F là E.

Nghiên cứu - Trao đổi

- (1). D là người về đích sau B.
- (2). F là người về đích sau B.
- (3). B là người về đích sau C.
- (4). D là người về đích sau C.

Đáp án đúng là (4).

[B-3]. 04 học sinh A, B, C, D đã làm bài kiểm tra tiếng Anh, toán và vật lý (tất cả đều đạt 100 điểm). Điều nào là chính xác khi bạn biết điều sau đây về kết quả bài kiểm tra của 04 người này.

- o Điểm tiếng Anh của D và điểm vật lý của A bằng nhau.
- o Điểm vật lý của D và điểm tiếng Anh của B bằng nhau.
- o Điểm toán của D và điểm tiếng Anh của C bằng nhau.
- o Cả 04 học sinh (A, B, C, D) đều đạt điểm cao nhất môn toán, tiếp theo là môn vật lý và tiếng Anh.

- (1). Điểm toán của A thấp hơn điểm toán của D.
- (2). Điểm vật lý của B thấp hơn điểm tiếng Anh của A.
- (3). Điểm tiếng Anh của C là điểm cao thứ 2 trong số điểm tiếng Anh của 04 người.
- (4). Điểm tiếng Anh của D là điểm thấp thứ 2 trong số điểm tiếng Anh của 04 người.

Đáp án đúng là (4).

C: Suy luận số

[C-1]. Chiếc xe ô tô chạy 02 vòng với tốc độ trung bình 40 km/h trên một quãng đường vòng tròn là 10km. Nếu xe chạy vòng đầu tiên với tốc độ trung bình 30 km/h thì tốc độ trung bình ở vòng thứ hai là bao nhiêu?

- (1). 50km
- (2). 55km
- (3). 60km
- (4). 65km

Đáp án đúng là (3).

[C-2]. Dung dịch muối có nồng độ 15% được trộn với dung dịch muối B có nồng độ không xác định theo tỷ lệ 2:1 thì thu được dung dịch muối C có nồng

Nghiên cứu - Trao đổi

độ 19%. Nồng độ của dung dịch muối B là bao nhiêu?

- (1). 25%
- (2). 26%
- (3). 27%
- (4). 28%

Đáp án đúng là (3).

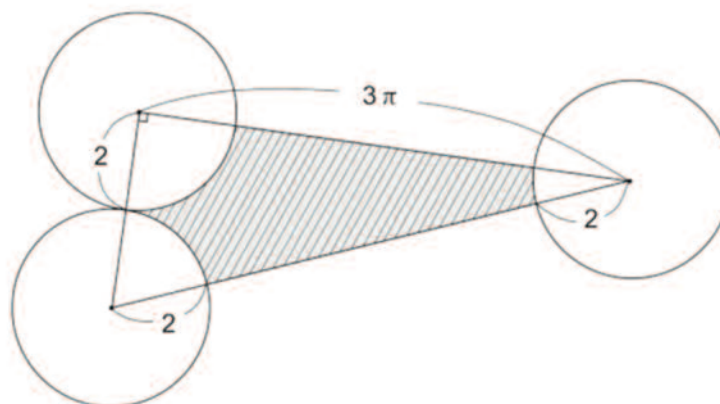
[C-3]. 03 người A, B và C đi vòng quanh ao tròn theo cùng một hướng với tốc độ không đổi. Sau khi 03 người rời khỏi điểm xuất phát cùng một lúc thì A hoàn thành 01 vòng trong 80 giây, tiếp đến là B cùng hoàn thành 01 vòng. C khởi hành muộn hơn B và hoàn thành 01 vòng sau 480 giây. Sau khi 03 người xuất phát và đến khi A hoàn thành 01 vòng, có lúc hình tam giác được tạo bằng cách nối các vị trí của A, B và C thành một tam giác đều. Sau bao nhiêu giây sau khi 03 người xuất phát thì điều đó xuất hiện?

- (1). Sau 56 giây
- (2). Sau 60 giây
- (3). Sau 64 giây
- (4). Sau 68 giây

Đáp án đúng là (3).

D: Hình vẽ

[D-1]. Có 03 vòng tròn có bán kính 02 cm, 02 trong số đó tiếp xúc ngoài với nhau như trong hình. Vẽ 01 tam giác vuông bằng cách kết nối trung tâm của các vòng tròn này. Lúc đó, diện tích của vùng gạch là bao nhiêu? Lưu ý rằng π thể hiện cho tỷ số chu vi đường tròn và đường kính.



Nghiên cứu - Trao đổi

(1). $\frac{8}{3} \pi \text{cm}^2$

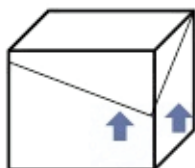
(2). $3 \pi \text{cm}^2$

(3). $\frac{7}{2} \pi \text{cm}^2$

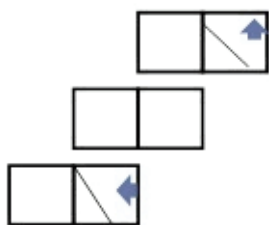
(4). $4 \pi \text{cm}^2$

Đáp án đúng là (4).

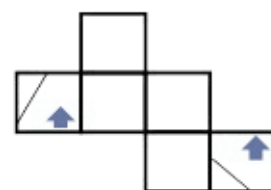
[D-2]. Một khối lập phương có mũi tên và đường thẳng được vẽ trên 02 mặt như trong hình. Đây là hình vẽ triển khai hợp lý nhất của khối vuông này? Mũi tên và đường thẳng được vẽ trên bề mặt trước và không thể nhìn thấy từ phía sau.



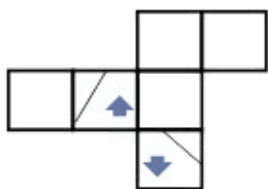
(1)



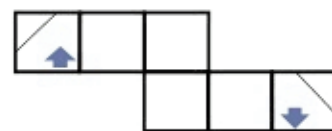
(3)



(2)



(4)



Đáp án đúng là (1).

Nghiên cứu - Trao đổi

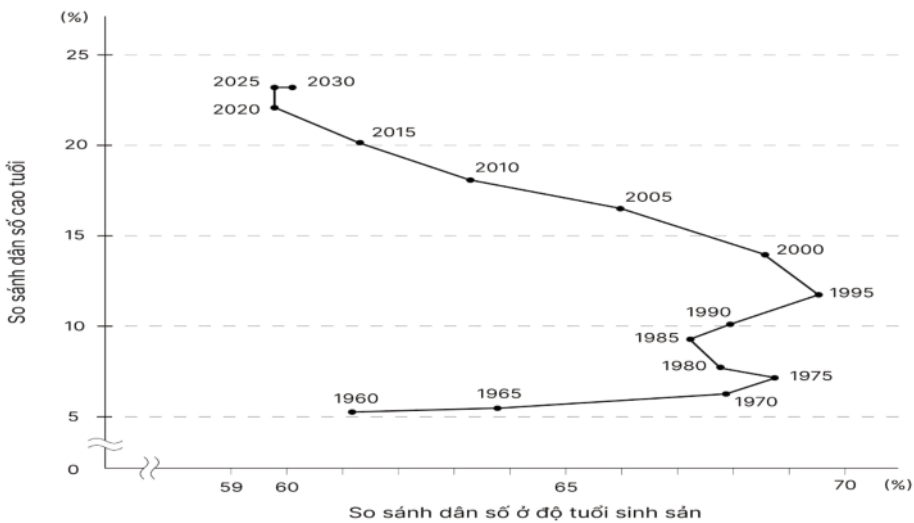
E: Giải thích tài liệu

[E-1]. Bảng biểu thể hiện diện tích công viên của các thành phố lớn, tỷ lệ diện tích công viên so với khu vực thành phố và diện tích công viên tính trên mỗi đầu người ở một quốc gia. Điều nào sau đây là hợp lý nhất?

Tên thành phố	Diện tích công viên (ha)	Tỷ lệ diện tích công viên so với diện tích thành phố (%)	Diện tích công viên tính trên mỗi đầu người (m ²)
A	1.541	2,60	1,86
B	877	2,67	0,52
C	308	0,52	2,18
D	644	3,03	2,44
E	648	1,36	6,10

Đáp án đúng là (3).

[E-2]. Biểu đồ chia dân số của một thành phố trong khoảng thời gian từ 1960 đến 2030 thành 03 phần, gồm tỷ lệ dân số cao tuổi (từ 65 tuổi trở lên), dân số trong độ tuổi lao động (từ 15 tuổi đến dưới 64 tuổi) và dân số trẻ (dưới 15 tuổi), từ đó cho thấy tỷ lệ phần trăm của dân số già và dân số ở độ tuổi lao động trên tổng dân số giai đoạn (05 năm). Điều nào nói đến sau đây là hợp lý nhất?



(Ghi chú: Năm 2010 là giá trị thực tế, từ năm 2015 trở đi là giá trị giả định)

Nghiên cứu - Trao đổi

(1). Trong khoảng thời gian này, dân số trong độ tuổi lao động nhiều nhất là vào năm 1995.

(2). Trong khoảng thời gian này, dân số trẻ nhất là vào năm 1985.

(3). Năm 2015, trên tổng dân số thì cứ 05 người lại có 01 người thuộc nhóm dân số cao tuổi.

(4). Dân số cao tuổi sẽ nhiều hơn khoảng 04 lần vào năm 2025 do với năm 1965.

Đáp án đúng là (3).

[F-1]. Đây là điều hợp lý để là điều chính xác nhất với đoạn văn dưới đây.

Con người thường khó phản ứng khi đột nhiên bị yêu cầu suy nghĩ điều gì đó. Tôi đang phụ trách một khóa đào tạo giáo viên tại một trường đại học và dạy các sinh viên đại học muốn trở thành giáo viên ở trường học, nhưng tôi luôn thấy rằng nếu đột nhiên bị bảo là “Hãy suy nghĩ xem!” thì thường suy nghĩ của họ sẽ bị phân tán vào điều gì đó và họ chẳng nghĩ ra được gì cả. Đặc biệt là trong trường hợp sinh viên năm nhất, dù họ cố gắng suy nghĩ thế nào đi nữa nhưng thực tế khi tôi hỏi “Hãy thử nói suy nghĩ của bạn!”, thì không ít học sinh trả lời là “Em chưa nghĩ ra gì cả”, “Em chưa sắp xếp được suy nghĩ”. Khi tôi nghĩ là tại sao lại như vậy thì tôi đi đến kết luận rằng họ không tiếp thu được phương pháp tư duy như một “kỹ năng” của bản thân. Chúng ta học các môn học khác nhau trong giáo dục nhà trường ở trường tiểu học và tiếp nhận nhiều kiến thức ở đó. Tuy nhiên, cho dù ta có học toán thì cũng không tiếp thu được (cách tư duy về sự vật), mang tính toán học vốn là nền tảng của toán học đủ để có thể áp dụng cho những thứ khác. Vì lý do đó, ngay cả khi bị yêu cầu là “Hãy suy nghĩ xem” thì ta cũng không biết làm thế nào và không thể làm gì được.

(1). Nếu đột nhiên bị yêu cầu là “Hãy suy nghĩ xem” thì ta khó đáp ứng được yêu cầu đó vì không học đầy đủ và không có đủ kiến thức khi được đào tạo trong trường.

(2). Trong một số bộ môn, rất khó để trả lời khi được yêu cầu “Hãy suy nghĩ đi” trừ khi ta có được <ý tưởng> là cốt lõi của bộ môn đó, đủ để có thể áp dụng nó vào những thứ khác.

(3). Sau khi có được một vài suy nghĩ trong đầu thì có thể kết hợp các suy nghĩ đó lại và nêu ra nó như một ý tưởng mới.

(4). Có thể có được nhiều kiến thức bằng cách nâng cao <năng lực tư duy> và nắm bắt <phương pháp tư duy> của từng ngành học.

Đáp án đúng là (2).

Nghiên cứu - Trao đổi



Việc kiểm định chất lượng đầu vào công chức được thực hiện bằng hình thức thi trắc nghiệm trên máy vi tính. (Ảnh minh họa)

Nguồn: chinhphu.vn

2. Một số gợi mở đối với Việt Nam trong việc áp dụng thi kiểm định chất lượng đầu vào công chức

Ngày 21/02/2023 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 06/2023/NĐ-CP quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức. Theo đó, việc kiểm định chất lượng đầu vào công chức được tổ chức định kỳ 02 lần vào tháng 7 và tháng 11 hàng năm. Bộ Nội vụ là cơ quan có thẩm quyền kiểm định chất lượng đầu vào công chức.

Việc kiểm định chất lượng đầu vào công chức được thực hiện bằng hình thức thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

Nội dung kiểm định bao gồm: Đánh giá năng lực tư duy, năng lực ứng dụng kiến thức vào thực tiễn; hiểu biết chung, cơ bản của thí sinh về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan nhà nước; quản lý hành chính nhà nước; quyền, nghĩa vụ của công chức, đạo đức công vụ; kiến thức về xã hội, văn hóa, lịch sử.

Về thời gian, số lượng câu hỏi kiểm định được quy định như sau:

- Kiểm định chất lượng đầu vào đối với người tham gia thi tuyển vào vị trí việc làm có yêu cầu trình độ đại học trở lên: 120 phút, số lượng câu

Nghiên cứu - Trao đổi

hỏi 100 câu.

- Kiểm định chất lượng đầu vào đối với người tham gia thi tuyển vào vị trí việc làm có yêu cầu trình độ trung cấp, cao đẳng: 100 phút, số lượng câu hỏi 80 câu.

Kết quả kiểm định được xác định theo số câu trả lời đúng trong bài thi. Thí sinh trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên thì được xác định là đạt yêu cầu kiểm định chất lượng đầu vào công chức. Kết quả kiểm định chất lượng đầu vào công chức có giá trị sử dụng trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày có quyết định phê duyệt của Bộ Nội vụ.

Như vậy, điểm mới về nội dung kiểm định so với thi trắc nghiệm vòng 1 hiện nay là “đánh giá năng lực tư duy, năng lực ứng dụng kiến thức vào thực tiễn... kiến thức về xã hội, văn hóa, lịch sử”. Bên cạnh đó, số lượng câu hỏi cho mỗi bài thi cũng nhiều hơn (quy định hiện hành là 60 câu) và thời gian cho mỗi câu cũng kéo dài hơn (trung bình là 1,2 phút/câu).

Có thể nói, một trong những vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với chất lượng và hiệu quả của kiểm định chất lượng đầu vào công chức là nội dung kiểm định. Tuy nhiên, để xây dựng được các câu hỏi “đánh giá năng lực tư duy, năng lực ứng dụng kiến thức vào thực tiễn” phù hợp với các ứng viên tuyển vào công chức là

vấn đề rất khó và phức tạp. Do đó, trong thời gian tới, cần quan tâm vào một số vấn đề như sau:

- Đầu tư kinh phí và thu hút các chuyên gia, nhà quản lý tham gia xây dựng ngân hàng câu hỏi kiểm định, thường xuyên bổ sung, cập nhật những câu hỏi mới sau những kỳ kiểm định. Mặt khác cần có những bước thử nghiệm (tổ chức kiểm định thử đối với một số đối tượng tự nguyện phù hợp) trước khi áp dụng vào kiểm định chính thức.

- Số lượng câu hỏi ở mỗi bài thi kiểm định đối với người tham gia thi tuyển vào vị trí việc làm có yêu cầu trình độ đại học trở lên nên được kết cấu như sau: 60 câu hỏi ở dạng đề kiến thức chung vẫn áp dụng từ trước theo quy định của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP, gồm những nội dung về hiểu biết chung, cơ bản của thí sinh về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan nhà nước; quản lý hành chính nhà nước; quyền, nghĩa vụ của công chức, đạo đức công vụ; 20 câu hỏi về đánh giá năng lực tư duy, năng lực ứng dụng kiến thức vào thực tiễn; 20 câu hỏi về kiến thức về xã hội, văn hóa, lịch sử. Tương tự áp dụng đối với người tham gia thi tuyển vào vị trí việc làm có yêu cầu trình độ trung cấp, cao đẳng tương ứng là 60, 10, 10.

- Quá trình xây dựng câu hỏi thi,

Nghiên cứu - Trao đổi

cần nêu ra trước đối với những người được mời tham gia ra đề để đảm bảo công bằng với thí sinh, theo hướng: không đánh giá khả năng nhớ đơn giản của thí sinh; tránh những câu hỏi hoặc lựa chọn quá phức tạp; tránh ra đề thi, câu hỏi liên quan tới nội dung nói về các khu vực, địa phương, đặc biệt như là các câu hỏi liên quan tới địa lý, hoặc những nội dung chỉ được giảng dạy ở trường đại học này mà không có ở các trường đại học khác khác; đề thi phải dùng từ ngữ phổ thông để ai cũng hiểu được ý nghĩa; thuật ngữ chuyên môn phải được dùng rộng rãi; nội dung của câu hỏi này không được là đáp án của câu hỏi kia; tránh tình trạng nếu làm được câu hỏi này thì mới làm được câu hỏi kia; nội dung câu hỏi phải rõ ràng, dễ hiểu; ...

- Ứng dụng công nghệ cao (máy phá sóng, rà soát kim loại, camera an ninh...) trong cả quá trình bảo quản ngân hàng đề cũng như quá trình thi kiểm định, tránh tình trạng gian lận, làm sai lệch kết quả thi.

- Có sự cập nhật, thay đổi số lượng câu hỏi nhất định sau mỗi ca thi, nhằm tránh tình trạng thiếu công bằng do lợi thế về mặt thông tin giữa ca thi trước với ca thi sau, giữa đợt thi ở vùng này với đợt thi ở vùng kia

trong cùng một kỳ kiểm định. Ngoài ra, cần đảm bảo lượng câu hỏi đủ lớn trong ngân hàng tương ứng với lượng thí sinh ở mỗi kỳ kiểm định nhằm đảm bảo kết quả đánh giá được khách quan, chính xác.

- Bên cạnh việc tổ chức tốt khâu kiểm định chất lượng đầu vào công chức, cần tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, giám sát cũng như nêu cao trách nhiệm người đứng đầu ở mỗi cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng tại các bộ, ngành và địa phương trong tuyển dụng công chức. Có như vậy mới góp phần nâng cao chất lượng tuyển dụng công chức, góp phần xây dựng đội ngũ công chức thực sự ngang tầm nhiệm vụ, đáp ứng mục tiêu hiện thực hóa xây dựng một nước Việt Nam phồn thịnh, phát triển đúng như tinh thần Đại hội XIII của Đảng đã xác định.

Tài liệu tham khảo:

1. “Quy trình tổ chức thi tuyển công chức của Nhật Bản”- ThS. Phạm Huyền Trang, Viện Khoa học tổ chức nhà nước, Bộ Nội vụ- Tạp chí Tổ chức nhà nước, tháng 11/2015.

2. Tài liệu của chuyên gia Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA).

Nghiên cứu - Trao đổi

KHÁI QUÁT VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TẠI BỘ NỘI VỤ

ThS. Lê Thị Kim Liên
Viện Khoa học tổ chức nhà nước, Bộ Nội vụ

I. Khái quát chung về chuyển đổi số và chuyển đổi số tại Việt Nam

1. Khái niệm

Hiện nay, chưa có sự thống nhất chung về định nghĩa chuyển đổi số, tùy theo chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, mỗi tổ chức lại có những định nghĩa về chuyển đổi số khác nhau. Microsoft định nghĩa: Chuyển đổi số là việc tư duy lại cách thức các tổ chức tập hợp mọi người, dữ liệu và quy trình để tạo những giá trị mới. Theo trang Tech Republic – Tạp chí trực tuyến, cộng đồng xã hội dành cho các chuyên gia CNTT, khái niệm chuyển đổi số 4.0 là “cách sử dụng công nghệ để thực hiện lại quy trình sao cho hiệu quả hơn hoặc phát triển hơn.”¹

Có thể hiểu chuyển đổi số (Digital transformation) là ứng dụng những tiến bộ về công nghệ số như điện toán đám mây (cloud), dữ liệu lớn (Big data),... vào mọi hoạt động của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, nhằm đưa lại hiệu suất cao, thúc đẩy phát triển doanh thu và thương hiệu.

Chuyển đổi số không phải đơn thuần là thay đổi cách thực hiện công việc từ thủ công truyền thống (ghi chép trong sổ sách, họp trực tiếp,...) sang vận dụng công nghệ để giảm thiểu sức người. Trên thực tế, chuyển đổi số đóng vai trò thay đổi tư duy, phương thức điều hành, văn hóa tổ chức,....

Khái niệm Chuyển đổi số được ra đời trong thời đại bùng nổ Internet, mô tả những hoạt động đổi mới một cách mạnh mẽ và toàn diện trong cách thức hoạt động của toàn cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở tất cả những khía cạnh như cung ứng, sản xuất, hợp tác, mối quan hệ khách hàng hoặc thậm chí là tạo ra những đơn vị mới với cách thức hoạt động mới mẻ hoàn toàn. Quá trình này thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số.

Chuyển đổi số quốc gia là tiến trình quốc gia phát triển công nghệ số, tạo dựng môi trường, hệ sinh thái số làm nền móng, kiến tạo thể chế và

1. <https://fsivietnam.com.vn/chuyen-doi-so-la-gi/>

Nghiên cứu - Trao đổi

thúc đẩy chuyển đổi số trong mọi mặt của xã hội, giúp tăng mạnh năng suất lao động, tạo động lực tăng trưởng kinh tế mới.

Các lĩnh vực thực hiện chuyển đổi số: Hiện nay, chuyển đổi số được ứng dụng vào nhiều lĩnh vực trong đó có 2 lĩnh vực chính là trong cơ quan nhà nước và trong doanh nghiệp tư nhân.

Chuyển đổi số cơ quan Nhà nước biểu hiện tập trung ở phát triển Chính phủ điện tử, chính phủ số... để quản trị quốc gia, xây dựng nền hành chính phát triển, hiện đại, phục vụ.

Chuyển đổi số trong doanh nghiệp biểu hiện ở hoạt động ứng dụng các tiến bộ công nghệ vào hoạt động kinh doanh và quản lý của mình. Ví dụ: lưu trữ dữ liệu trên điện toán đám mây, sử dụng các ứng dụng như Google Planner vào quản lý các dự án và nhân sự mà không cần tận mắt theo dõi nhân sự làm việc.

2. Ý nghĩa và tác động của chuyển đổi số

Chuyển đổi số mang lại lợi ích từ vĩ mô đến vi mô, tác động sâu sắc ở quy mô toàn cầu, quy mô quốc gia, mỗi chính phủ đến từng doanh nghiệp, từng cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Đối với toàn cầu: Tạo ra một thế giới ngày càng phẳng, mọi thành phần đều có thể tham gia vào một mạng lưới khổng lồ, tiếp cận và sử dụng những tri thức để cùng hợp tác xử lý

những vấn đề với tầm cao hơn quốc gia như biến đổi khí hậu, dịch bệnh, cải thiện môi trường .v.v.

Tầm quốc gia: Chuyển đổi số không chỉ là một xu thế về công nghệ trên toàn cầu mà còn tác động vô cùng sâu rộng trên các lĩnh vực của nền kinh tế - chính trị - xã hội; quyết định xem một quốc gia có theo kịp bước tiến của toàn cầu, thậm chí những quốc gia phát triển sau có thể đi tắt, đón đầu, phá bỏ khoảng cách, tạo đột phá hay không; chuyển đổi số sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến vị thế của quốc gia trên thế giới trong thời kỳ mới.

Chính phủ: Tạo dựng được niềm tin, nhờ năng lực quản lý và tạo ra tính minh bạch, thông suốt của hệ thống điều hành.

Xã hội: Người dân được phục vụ những lợi ích của công nghệ, giúp tăng chất lượng cuộc sống, dễ dàng gia nhập mạng lưới toàn cầu, tiếp cận các cơ hội phát triển bản thân, dễ dàng tiếp thu tri thức mới vốn rất sẵn có và phong phú, và sẽ làm thay đổi phong cách sống, thích nghi với điều kiện mới. Các dịch vụ xã hội cơ bản như y tế, giáo dục... được nâng cấp và đáp ứng tốt trong môi trường xã hội đang có những biến động, thay đổi rất lớn.

Kinh tế: Chuyển đổi số sẽ giúp tăng tốc độ thị trường, tăng vị trí cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng doanh thu, tăng năng suất...

Nghiên cứu - Trao đổi

Với từng cơ quan, tổ chức: Chuyển đổi số tác động mạnh mẽ và toàn diện trong cách thức hoạt động của toàn cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở tất cả những khía cạnh như cung ứng, sản xuất, hợp tác, mối quan hệ khách hàng hoặc thậm chí là tạo ra những đơn vị mới với cách thức hoạt động mới mẻ hoàn toàn.

Tuy nhiên, Chuyển đổi số cũng tạo ra thách thức đối với mỗi quốc gia, Chính phủ, tổ chức, đơn vị và cá nhân để không bị bỏ rơi, lạc hậu, tụt lùi khỏi xu hướng phát triển chung của thế giới.

3. Chuyển đổi số tại Việt Nam

Nhận thức được cơ hội và thách thức của cuộc cách mạng khoa học công nghệ lần thứ tư nói chung và chuyển đổi số nói riêng, để kịp thời nắm bắt thời cơ, tạo động lực đi tắt đón đầu, đưa đất nước phát triển, Đảng đã đưa ra những Nghị quyết quan trọng để kịp thời chỉ đạo, tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức. Đó là Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công

ng nghiệp lần thứ tư.

Thực hiện chủ trương của Đảng, ngày ngày 03 tháng 6 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định số 749/QĐ-TTg Phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” với mục tiêu kép là vừa phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có năng lực đi ra toàn cầu. Quyết định này đã đưa ra lộ trình và mục tiêu cơ bản để hiện thực hóa chương trình. Theo đó, chuyển đổi số ở nước ta sẽ chia làm hai giai đoạn, giai đoạn 2020-2025 và giai đoạn 2025 đến 2030. Mỗi giai đoạn lại có các mục tiêu cụ thể về Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số, cụ thể như sau:

Mục tiêu cơ bản đến năm 2025

- Phát triển Chính phủ số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động, Việt Nam thuộc nhóm 70 nước dẫn đầu về Chính phủ điện tử (EGDI).
- Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.
- Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số.

Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

- Phát triển Chính phủ số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động: Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về Chính phủ điện tử (EGDI).
- Phát triển kinh tế số, nâng cao

Giới thiệu kết quả nghiên cứu

năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

- Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số.

Đồng thời Chính phủ xác định rõ 06 quan điểm, cách tiếp cận của Chương trình, trong đó: Nhận thức đóng vai trò quyết định trong chuyển đổi số; người dân là trung tâm của chuyển đổi số; thể chế và công nghệ là động lực của chuyển đổi số; phát triển nền tảng số là giải pháp đột phá để thúc đẩy chuyển đổi số nhanh hơn, giảm chi phí tăng hiệu quả; bảo đảm an toàn, an ninh mạng là yếu tố then chốt để chuyển đổi số thành công và bền vững; cuối cùng, phần không thể tách rời và xuyên suốt là sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, hành động đồng bộ ở các cấp và sự tham gia của toàn dân, đảm bảo sự thành công của chuyển đổi số.

II. Giải pháp cho Bộ Nội vụ để hoàn thành mục tiêu chuyển đổi số thành công trong giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030

Để thực hiện mục tiêu chuyển đổi số được đề ra trong “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, ngày 18/11/2021 Bộ Nội vụ đã xây dựng Đề án số 1198/QĐ-BNV để thực hiện chuyển đổi số trong Bộ Nội vụ.

Sau đây là một số giải pháp để thực hiện thành công chuyển đổi số tại Bộ Nội vụ:

Tuyên truyền, nâng cao nhận thức

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, truyền thông trên các trang thông tin điện tử, báo, tạp chí ngành, thông qua các hội nghị, hội thảo để nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của ngành về các mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ chuyển đổi số của Bộ Nội vụ. Xây dựng hình ảnh, thương hiệu về chuyển đổi số của đơn vị.

Đề cao vai trò của người đứng đầu trong việc chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách; tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền và của Bộ Nội vụ về chuyển đổi số.

Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chiến lược, chương trình hành động, mục tiêu, nhiệm vụ của các đơn vị.

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức phải cam kết đổi mới vì mục tiêu phát triển bền vững, thúc đẩy phát triển đổi mới sáng tạo trong ngành, lĩnh vực, địa phương mình phụ trách.

Xây dựng cơ chế chính sách

Rà soát các quy định, quy chế có liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng chính quyền số, hệ thống thông tin để xem xét, sửa đổi, ban hành, tạo hành lang pháp lý đồng bộ, thống nhất, phục vụ hoạt động triển khai, giám sát kết quả thực

Nghiên cứu - Trao đổi

hiện đề án.

Xây dựng, ban hành các quy chế quy định đồng bộ, thống nhất gồm: quản lý, vận hành khai thác hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu; về cập nhật lưu trữ, trao đổi thông tin dữ liệu; tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức, viên chức ... đối với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của chuyển đổi số.

Xây dựng quy chế quy định đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong xây dựng, vận hành, khai thác hệ thống chuyển đổi số của tỉnh (đưa ra các yêu cầu, chế tài bắt buộc phải áp dụng các quy trình, cơ chế, nguyên tắc bảo vệ an ninh, an toàn thông tin trong các hệ thống chuyển đổi số của Bộ và ngành Nội vụ).

Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích cơ quan, tổ chức, người dân và doanh nghiệp thực hiện các giao dịch điện tử, khai thác và sử dụng các dịch vụ công trực tuyến của Bộ Nội vụ.

Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút, kêu gọi các nhà đầu tư vào ứng dụng công nghệ thông tin trong phát triển chuyển đổi số. Có chính sách đãi ngộ, thu hút công chức, viên chức, cán bộ phụ trách công nghệ thông tin có trình độ năng lực cao.

Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số

Trước hết là sử dụng nguồn nhân lực hiện có của Bộ: Bố trí công tác

cho các công chức, viên chức của Bộ có chuyên môn về công nghệ thông tin phụ trách công tác vận hành và quản lý cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin. Đào tạo nâng cao năng lực cho công chức, viên chức của Bộ về công nghệ thông tin, đáp ứng được nhu cầu chuyển đổi số, đảm bảo không tăng thêm về số lượng.

Tạo điều kiện cho công chức, viên chức tham gia học tập chuyên sâu về công nghệ thông tin, nhằm giúp các đơn vị chủ động hơn nữa trong quá trình chuyển đổi số.

Khoa học công nghệ

Đối với ứng dụng công nghệ thông tin: Tái cấu trúc lại cơ sở hạ tầng theo hướng tập trung, hiện đại theo mô hình kiến trúc chuyển đổi số. Không đầu tư phân tán, cát cứ. Trên cơ sở đó, xây dựng, ban hành, tổ chức hướng dẫn và triển khai đồng bộ ứng dụng CNTT trên nền tảng điện toán đám mây và ảo hóa trong lưu trữ, quản lý các ứng dụng và cơ sở dữ liệu.

Xây dựng và hoàn thiện kiến trúc chuyển đổi số (kiến trúc Chính phủ số) để đảm bảo các dự án được triển khai theo một kiến trúc thống nhất. Các đơn vị sẽ phát triển các ứng dụng nghiệp vụ và dịch vụ công nghệ thông tin nền công nghệ điện toán đám mây khai thác hạ tầng số để thực hiện chuyển đổi số toàn diện, tiến tới xây dựng chính phủ số của Bộ Nội vụ.

Áp dụng thống nhất các tiêu

Giới thiệu kết quả nghiên cứu

chuẩn về ứng dụng công nghệ thông tin trong các đơn vị của Bộ Nội vụ, bao gồm các tiêu chuẩn về kết nối, tiêu chuẩn về tích hợp dữ liệu, truy cập thông tin, an toàn thông tin, dữ liệu đặc tả nhằm bảo đảm kết nối thông suốt, đồng bộ và khả năng chia sẻ, trao đổi thông tin an toàn, thuận tiện giữa các cơ quan nhà nước và giữa cơ quan nhà nước với tổ chức, cá nhân.

Giải pháp về tài chính

Bảo đảm đủ nguồn kinh phí cho ứng dụng CNTT phục vụ công tác chuyển đổi số trong kế hoạch ngân sách hàng năm (ngân sách tập trung để đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng CNTT và đào tạo nguồn nhân lực cho các cơ quan nhà nước của Bộ).

An toàn, an ninh thông tin

Phát triển hạ tầng số, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu bùng nổ về kết nối và xử lý dữ liệu, các chức năng về giám sát mạng lưới đến từng nút mạng và bảo đảm an toàn, an ninh mạng được tích hợp sẵn ngay từ khi thiết kế, xây dựng.

Kết hợp của các nguyên tắc, chính sách, thủ tục vào tất cả các tầng của kiến trúc từ cơ sở hạ tầng công nghệ đến hệ thống dịch vụ tích hợp để đảm bảo an ninh và tính toàn vẹn của các hệ thống, dữ liệu và cơ sở hạ tầng

quan trọng. Chủ động cảnh giác phát hiện các lỗ hổng về an toàn an ninh thông tin để xử lý và cập nhật các phương án giải quyết.

Tăng cường hợp tác, liên kết

Đẩy mạnh hợp tác, liên kết để học tập kinh nghiệm và đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số trên phạm vi toàn ngành Nội vụ... Hợp tác, phát triển chuyển đổi số thông qua các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về chuyển đổi số trong quản trị nguồn nhân lực, tăng cường hợp tác trao đổi chuyên gia trong lĩnh vực chuyển đổi số để xây dựng, phát triển Bộ Nội vụ.

Kết nối và chia sẻ dữ liệu

Các cơ sở dữ liệu của Bộ Nội vụ cần phải kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia, chia sẻ dữ liệu thông tin đảm bảo thông suốt, liên tục, dữ liệu trong các cơ sở dữ liệu của Bộ Nội vụ luôn đảm bảo nguyên tắc “Đúng, Đủ, Sạch, Sống”.

Tài liệu tham khảo:

1. “Chuyển đổi số là gì? Ý nghĩa của chuyển đổi số (digital transformation a t i o n) ” , <https://fsivietnam.com.vn/chuyen-doi-so-la-gi>

2. Quyết định số 1198/QĐ-BNV ngày 18/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án chuyển đổi số của Bộ Nội vụ giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.